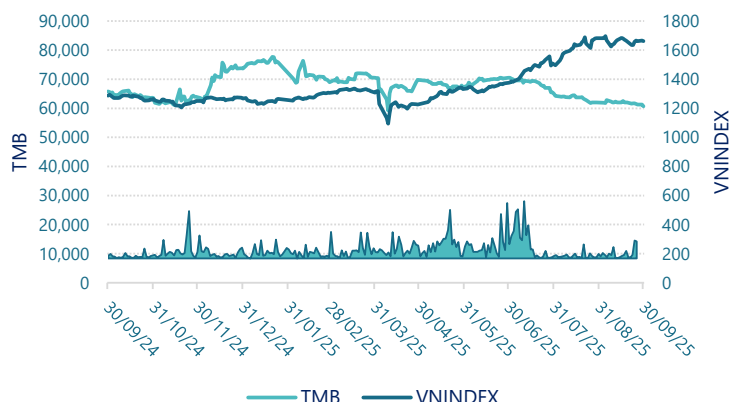


CTCP Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin (HNX: TMB)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	60,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	77,681
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	59,232
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,750
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	911
P/E	9.1
EPS	6,681

DT thuần

Q3/25

5,348

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3,665 | -40.7%

YoY: ▼3,158 | -37.1%

LN sau thuế

Q3/25

-2.81

tỷ VNĐ

QoQ: ▼38.0 | -108%

YoY: ▼29.2 | -111%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.8%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

9T 2025

24,096

tỷ VNĐ

YoY: ▼8,046 | -25.0%

LN sau thuế

9T 2025

72.8

tỷ VNĐ

YoY: ▼43.2 | -37.4%

ROE

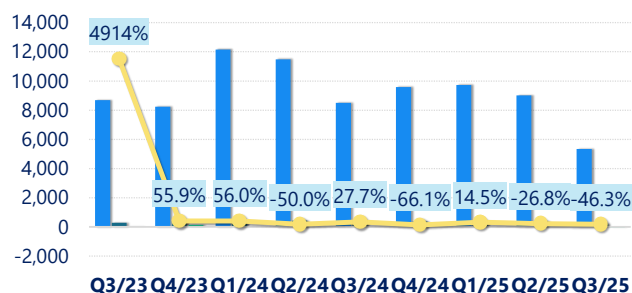
Q3/25

12.4%

+/- YoY: ▼ 26.5%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Doanh thu thuần

Lợi nhuận gộp

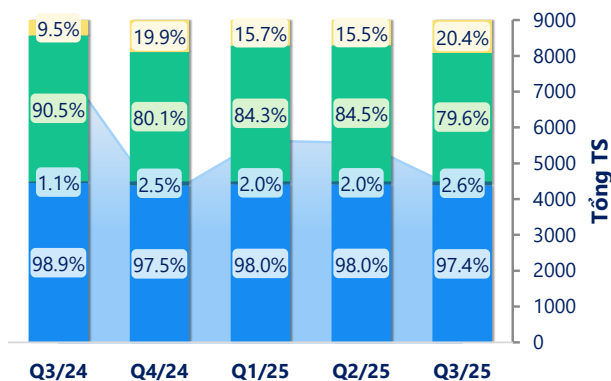
Lợi nhuận sau thuế

Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Tổng tài sản

Tài sản ngắn hạn

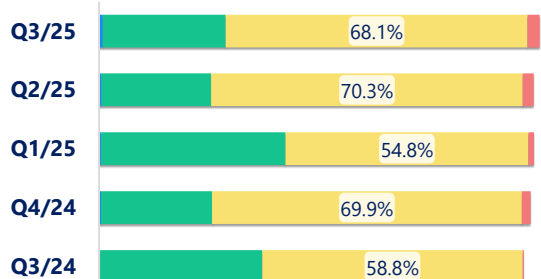
Tài sản dài hạn

Nợ phải trả

Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền

Đầu tư TC ngắn hạn

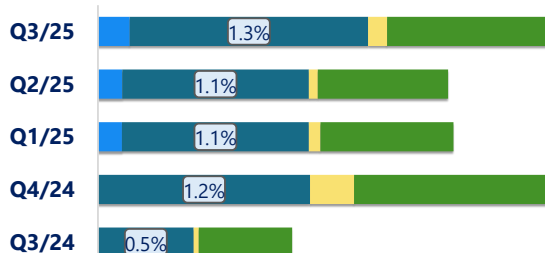
Phải thu ngắn hạn

Hàng tồn kho

TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Phải thu dài hạn

Tài sản cố định

Bất động sản đầu tư

Tài sản dở dang

Đầu tư tài chính dài hạn

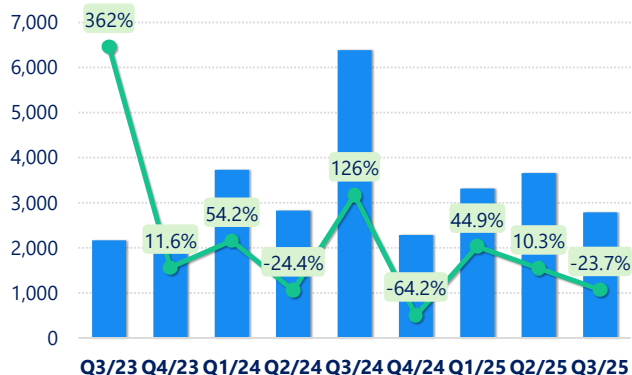
Tài sản dài hạn khác

Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn

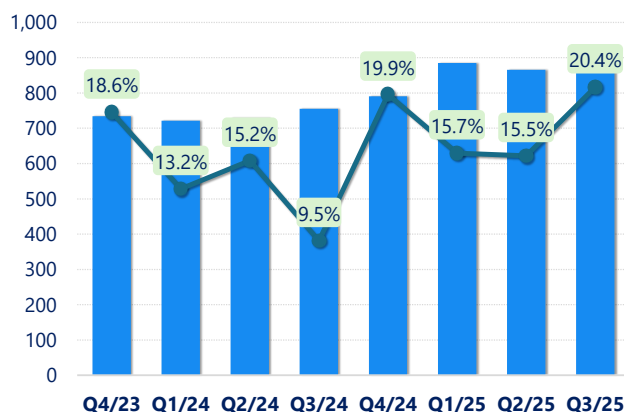
Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



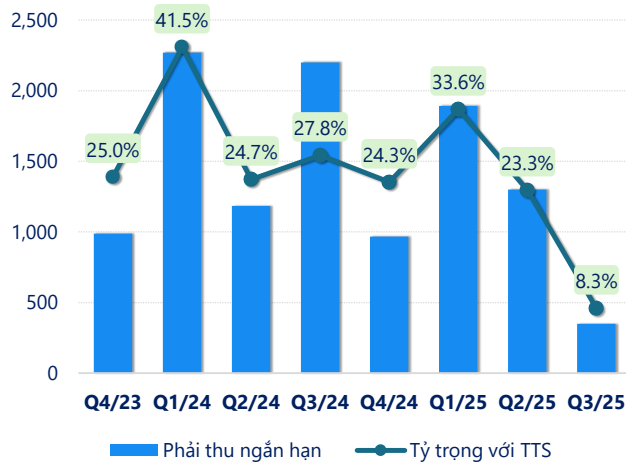
Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Vốn chủ sở hữu

Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


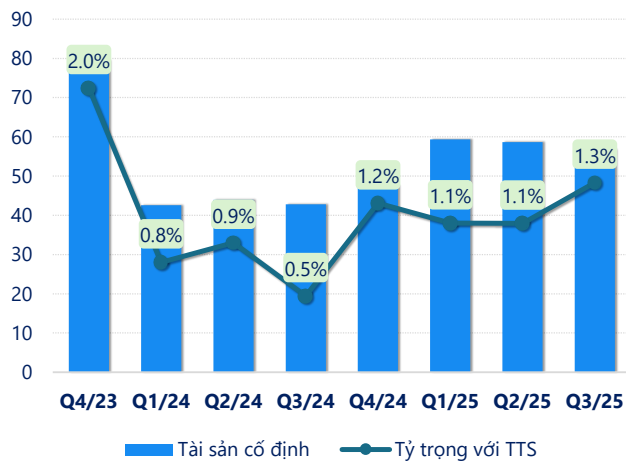
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

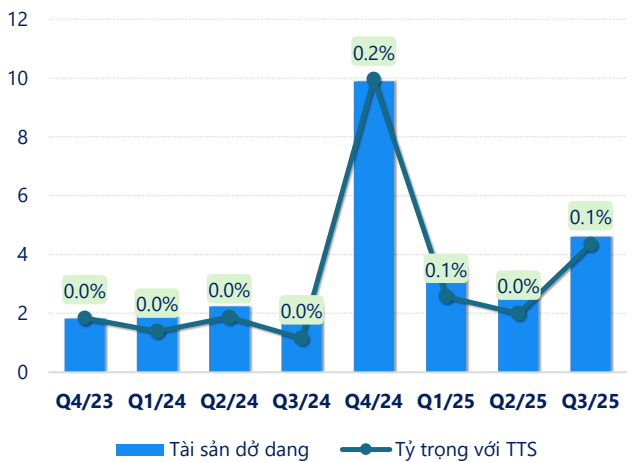

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

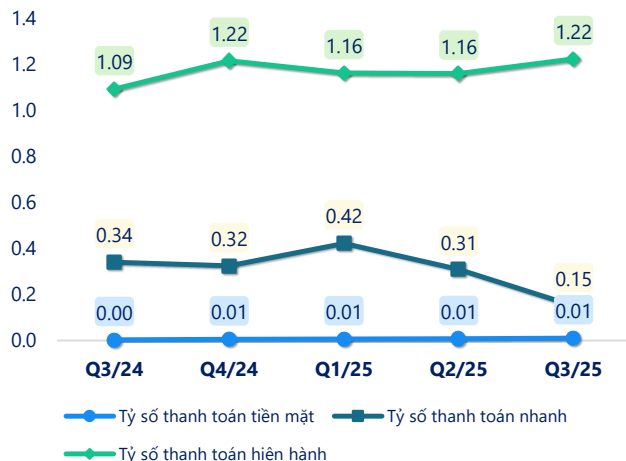
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

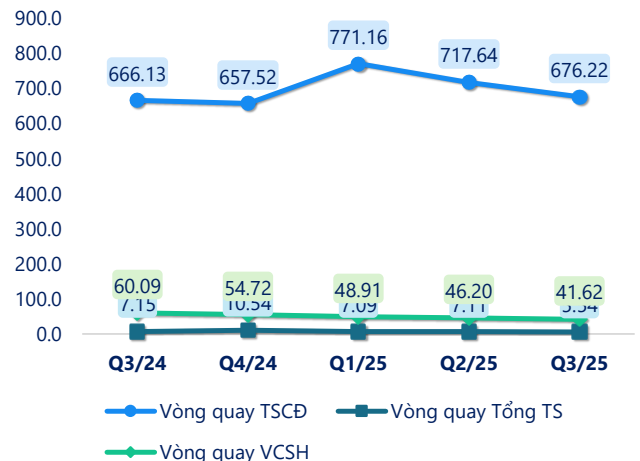
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	7,925	3,974	5,626	5,569	4,227
Tài sản ngắn hạn	7,838	3,873	5,513	5,459	4,119
Tiền và tương đương tiền	20.4	17.8	29.9	33.4	34.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2,200	967	1,892	1,299	349
Hàng tồn kho	5,396	2,840	3,513	4,008	3,611
Tài sản ngắn hạn khác	221	47.8	78.8	119	124
Tài sản dài hạn	86.9	101	113	110	109
Phải thu dài hạn	0	0	7.60	7.60	7.60
Tài sản cố định	42.8	47.5	59.4	58.7	56.8
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2.29	9.88	3.61	2.78	4.60
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	41.8	43.7	42.2	40.9	39.6
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	7,170	3,183	4,741	4,703	3,364
Nợ ngắn hạn	7,170	3,183	4,741	4,703	3,364
Vay và nợ thuê ngắn hạn	6,386	2,286	3,313	3,655	2,787
Phải trả người bán ngắn hạn	392	700	1,265	848	342
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	755	791	885	866	863
Vốn chủ sở hữu	755	791	885	866	863
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)